

Mô hình Blended Learning trong giáo dục đại học và thực tiễn áp dụng ở các trường đại học

Hồ Ngọc Khương

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật
Thành phố Hồ Chí Minh
Số 01 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu,
Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam
Email: khuonghn@hcmute.edu.vn

TÓM TẮT: Bằng cách kết hợp những ưu thế của mô hình dạy truyền thống và trực tuyến (E-learning), mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) đã mang lại những lợi ích trong giáo dục và đây là mô hình đang dần trở thành xu thế tất yếu của thế giới trong giáo dục đào tạo. Dưới tiếp cận của mô hình này, bài viết đưa ra cơ sở lý luận về Blended Learning, đồng thời phân tích các mô hình của Blended Learning, qua đó cho thấy những lợi ích của mô hình này khi áp dụng vào các trường đại học.

TỪ KHÓA: Blended Learning, giáo dục đại học, học trực tuyến.

→ Nhận bài 17/3/2021 → Nhận bài đã chỉnh sửa 04/6/2021 → Duyệt đăng 15/9/2021.

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển của công nghệ thông tin đã tác động đến môi trường giáo dục đại học (GDĐH). Điều đó đòi hỏi hệ thống giáo dục phải chuyển đổi chương trình giảng dạy và phương pháp sư phạm cao hơn nhằm phát triển tư duy, kỹ năng cho người học. Học kết hợp - tích hợp học trực tuyến với giảng dạy trực diện có thể là một chất xúc tác để chuyển đổi GDĐH. Mặc dù E-learning không phủ nhận vai trò chủ đạo của hình thức dạy truyền thống nhưng với sự tiện ích của hình thức tích hợp này giúp tăng tính chủ động, khả năng tiếp cận và linh hoạt kiến thức cho người học cũng như tăng hiệu quả về chi phí, rút ngắn khoảng cách không gian giữa người dạy và người học là không thể phủ nhận [1]. GDĐH Việt Nam đang đặt ra thách thức phải áp dụng mô hình này sao cho phù hợp để tiệm cận với nền giáo dục hiện đại trên thế giới và khi đại dịch Covid-19 đang diễn ra ảnh hưởng đến toàn bộ nền giáo dục nói riêng, nền kinh tế nói chung ở nước ta. Chính vì thế, tác giả trình bày những lợi ích và tính khả thi của mô hình Blended Learning khi được các trường đại học áp dụng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Mô hình Blended Learning được kế thừa từ sự phát triển của mô hình học trực tuyến. Có rất nhiều cách tiếp cận khái niệm “Blended Learning”. Theo Từ điển tiếng Anh, Blended Learning là mô hình học tập kết hợp và bổ trợ cho nhau giữa cách học trực tuyến và cách học truyền thống. Đây là phương pháp được Trường Đại học Cambridge nghiên cứu đầu tiên trong việc giảng dạy ngoại ngữ, sau đó mô hình này được áp dụng rộng rãi trong các tổ chức đào tạo khác [2].

Thuật ngữ Blended Learning được khái quát là việc sử dụng các phương pháp giảng dạy trong lớp học truyền thống cùng với việc sử dụng phương pháp học trực

tuyến cho cùng một sinh viên (SV) học cùng một nội dung trong cùng một khóa học. Đó là “sự kết hợp chu đáo giữa trải nghiệm học tập trực tiếp và trực tuyến” [3]. Ngoài ra, còn có các chương trình kết hợp, trong đó SV học một số khóa học trong lớp học trực tiếp và các khóa học khác được cung cấp hoàn toàn trực tuyến.

Học tập kết hợp được mô tả là một phương thức giảng dạy loại bỏ các rào cản về thời gian, địa điểm và tình huống, đồng thời cho phép tương tác cao giữa giảng viên và SV (Kanuka, Brooks & Saranchuck, 2009). Nó lặp lại thực tiễn của giáo dục từ xa nhấn mạnh sự linh hoạt về thời gian, địa điểm và tốc độ học tập của SV [4]. Nghiên cứu cho thấy rằng, trải nghiệm của người học thay đổi đáng kể và dẫn đến trải nghiệm học tập thay đổi (Jeffrey, Kinshuk, Atkins, Laurs, & Mann, 2006), cho thấy cần phải làm rõ cách tiếp cận kết hợp có thể hỗ trợ việc học [5].

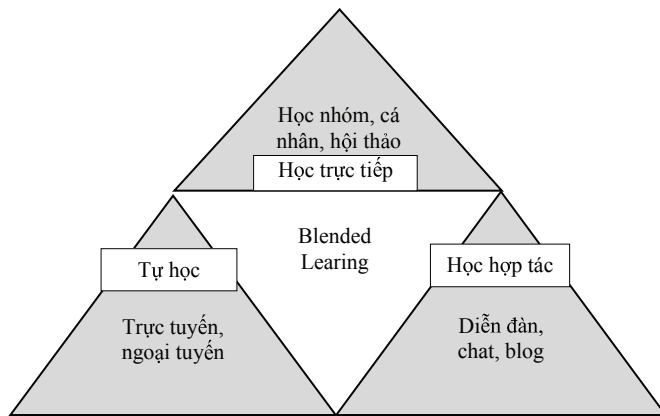
Hockly (2018) chỉ ra rằng, các nhiệm vụ học tập trực tuyến và trực tiếp cần bổ trợ cho nhau. Người học được hướng dẫn các phần bằng cách học trực tuyến như xem bài giảng về một chủ đề và ghi chép lại ý chính ở phần học trên lớp nên có thảo luận nhóm về các khái niệm, nội dung quan trọng trong video thuyết trình đó để hiểu sâu sắc hơn hoặc có cái nhìn tổng quát và từ nhiều góc nhìn khác nhau hơn về vấn đề đã học [6].

Với mô hình này, hoạt động học tập diễn ra ở ba không gian khác nhau, bao gồm: Ở nhà, trên trường và trên hệ thống trực tuyến. Hiệu quả học tập của SV phụ thuộc vào hiệu quả học tập ở từng không gian như trên [7]. Như vậy, qua các cách tiếp cận trên đều có sự thống nhất chung rằng, các thành phần chính của học tập kết hợp là hướng dẫn hoặc học tập trực tiếp và trực tuyến.

2.2. Các mô hình của Blended Learning

Học tập kết hợp để chỉ ra các mô hình kết hợp giữa hình thức truyền thống và các giải pháp E-learning [8].

Mô hình này được mô tả như sau (xem Hình 1):



Hình 1: Sơ đồ mô hình Học tập kết hợp

Hình 1 cho thấy, người học tham gia vào quá trình học tập bằng hình thức học trực tiếp trên lớp (nhóm, cá nhân, seminar, hội thảo), hình thức hợp tác qua mạng Internet (chat, blog, diễn đàn) và tự học (trực tuyến, ngoại tuyến, độc lập về không gian).

Mô hình Blended Learning được phân thành sáu mô hình, căn cứ vào đặc thù của từng lớp học mà người dạy có thể lựa chọn mô hình phù hợp.

- **Mô hình Face-to-face** (giảng dạy trực diện hay trực tiếp) là hình thức dạy học mà người học tiếp thu nội dung bài học thông qua sự tương tác trực tiếp của người dạy và kết hợp các phương tiện kết nối internet, phù hợp với những lớp học đa dạng về trình độ, nơi mà khả năng nhận thức của người học có sự chênh lệch. Mô hình này tổ chức theo kế hoạch cố định và thực hiện tại lớp học truyền thống.

- **Mô hình Rotation** (mô hình xoay vòng) giống như mô hình học tập theo trạm, trong đó người học học tập luân phiên giữa các trạm học tập hoặc học tập trực tuyến hoặc học trực tiếp với người dạy. Mô hình này đòi hỏi người học phải thay đổi địa điểm học tập hoặc luân phiên hình thức học tập theo lịch trình học tập và phù hợp với cấp bậc thấp hơn GDĐH.

- **Mô hình Flex** (linh hoạt) hầu hết chương trình giảng dạy được phân phối trên nền tảng kỹ thuật số, người học chủ yếu học tập trực tuyến và người dạy đóng vai trò trực tiếp hướng dẫn, thảo luận. Mô hình này phù hợp với những người hạn chế về thời gian đến lớp hoặc vừa học vừa làm.

- **Mô hình Labs** (phòng thực hành) chương trình đào tạo trực tuyến và người học tập trung học tại những phòng máy chuyên dụng trên lớp. Mô hình này tiết kiệm về cơ sở vật chất và nguồn lực bởi giáo viên sẽ không tham gia trực tiếp mà thay vào đó là các trợ giảng tham gia quản lý trực tiếp và giải đáp thắc mắc cho người học.

- **Mô hình Self-blend** (tự học) bên cạnh lớp học truyền thống, người học có thể tham gia các khóa học

trực tuyến nằm ngoài chương trình học chính thống để trau dồi kiến thức. Mô hình này đòi hỏi người học tự khai thác kho tài liệu số đã được đồng bộ hóa và nó phù hợp với cấp độ đại học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng cho người học.

- **Mô hình Online Driver** (nền tảng trực tuyến) người học hoàn thành khóa học dựa trên nền tảng quản lý trực tuyến, sự tương tác giữa người học và người dạy thông qua phần mềm trực tuyến. Mô hình này giúp người học linh động trong thời gian học tập phù hợp với những người gặp trở ngại về khoảng cách địa lý.

Như vậy, các mô hình học tập kết hợp đều có sự pha trộn giữa học truyền thống và học trực tuyến ở các mức độ khác nhau, đặc biệt tạo tính linh động cho người học. Bên cạnh đó, mô hình Blended Learning thực sự lý tưởng cho những người học trầm tính khi mà họ thích sử dụng tính năng trò chuyện để chia sẻ ý kiến và cũng cho phép người dạy kết nối với người học theo những cách sâu sắc, chân thực hơn bất chấp khoảng cách địa lý.

Học tập kết hợp có thể được thực hiện ở nhiều mức độ khác nhau (Bonk & Graham, 2006) như kết hợp ở mức độ hoạt động, kết hợp ở mức độ khóa học, kết hợp ở mức độ chương trình và kết hợp ở mức độ tổ chức. Trong đó, việc áp dụng học tập kết hợp ở mức khóa học là diễn ra phổ biến nhất [9].

- Kết hợp ở mức độ hoạt động: Xảy ra khi một hoạt động học tập chứa cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến;

- Kết hợp ở mức độ khóa học: Đòi hỏi một sự kết hợp của các hoạt động trực tiếp và trực tuyến riêng biệt trong một khóa học. Sự kết hợp có thể cùng thời gian, cũng có thể được sắp xếp hợp lý theo chuỗi thời gian;

- Kết hợp ở mức độ chương trình: Đòi hỏi người học chọn kết hợp giữa các học phần trực tiếp và các học phần trực tuyến hoặc kết hợp giữa hai hình thức. Việc tổ chức thực hiện theo phương án chương trình đã thiết kế;

- Kết hợp ở mức độ tổ chức: Các cơ sở đào tạo đang tạo ra mô hình kết hợp ở cấp độ tổ chức, tùy thuộc cách thức tổ chức của mỗi nơi mà sự kết hợp có thể khác nhau. Như người học có thể tham gia các khóa trực tuyến từ xa vào học kì hè để tích lũy các học phần khi họ không tập trung ở trường hoặc người học sẽ có học kì bắt đầu và kết thúc trực tiếp nhưng ở các học kì giữa chương trình thì có thể tham gia trực tuyến.

2.3. Lợi ích của mô hình Blended Learning

Theo thang đo nhận thức của Bloom, mô hình Blended Learning khuyến khích và phát triển các kỹ năng tư duy của người học ở mức độ cao so với mô hình trực tuyến và truyền thống, cụ thể được so sánh như sau (xem Bảng 1):

Mô hình Blended Learning bắt nguồn từ ý tưởng học tập không chỉ là một sự kiện diễn ra một lần mà học tập

Bảng 1: So sánh các hình thức tổ chức dạy học theo mức độ nhận thức thang đo Bloom

Cấp độ nhận thức thang đo Bloom	Mô hình dạy học truyền thống	Mô hình dạy học trực tuyến	Mô hình dạy học kết hợp
Nhớ/Biết	Ghi nhớ và học thuộc bài người dạy hướng dẫn.	Nhớ bài học trên trang trực tuyến.	Trả lời chính xác và trình bày trong lớp học, nhớ thông qua tương tác.
Hiểu	Mô tả và so sánh các kiến thức trong tài liệu.	Diễn giải và so sánh các kiến thức trong kho tài nguyên số.	Giải thích, đóng góp ý tưởng tham gia diễn đàn trao đổi.
Vận dụng	Áp dụng kiến thức và kĩ năng trong từng trường hợp cụ thể.	Sử dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề trên trang trực tuyến.	Sử dụng kiến thức giải quyết các tình huống và kiểm chứng kết quả.
Phân tích	Phác thảo, suy luận trong một tình huống cụ thể.	Phân tích các vấn đề thảo luận thông qua phần mềm trực tuyến.	Xây dựng diễn đàn thảo luận để phân tích và giải quyết các vấn đề.
Đánh giá	Đánh giá, phê bình trong một báo cáo.	Phản xét, đóng góp ý kiến thông qua đoạn clip, văn bản có sẵn trên phần mềm trực tuyến.	Trình bày và bảo vệ những ý tưởng thông qua một clip, văn bản.
Sáng tạo	Đưa ra ý tưởng mới những nghiên cứu mới.	Thiết lập ý tưởng mới trong bài học thông qua kênh trực tuyến.	Tạo ra những ý tưởng mới giữa các người học trong diễn đàn.

là một quá trình liên tục. Do đó, kết hợp mang lại nhiều lợi ích khác nhau so với việc sử dụng bất kỳ phương tiện phân phối học tập đơn lẻ nào. Mô hình học tập kết hợp giúp cải thiện sự thành công, sự hài lòng và giữ được chân của người học, tăng cường kĩ năng học tập, khả năng tiếp cận thông tin nhiều hơn và kết quả học tập, đồng thời có cơ hội học với người khác và dạy người khác. Bên cạnh đó, những lợi ích chính của việc học kết hợp được thể hiện như sau:

- *Cơ hội hợp tác từ xa*: Những người học làm việc cùng nhau trên thực tế trong nỗ lực trí tuệ như một thực hành học tập.

- *Tăng tính linh hoạt*: Học tập dựa trên công nghệ cho phép người học kiểm soát thời gian và địa điểm học mà không gặp trở ngại. Bằng cách tự theo dõi thời gian và cường độ học của mình, người học dành nhiều thời gian hơn cho những nội dung khó hoặc không quen thuộc.

- *Tăng tính tương tác*: Học tập kết hợp cung cấp một nền tảng để tạo điều kiện tương tác tốt hơn giữa người học. Người học có khả năng tiếp cận nhiều với người hướng dẫn thông qua email để giải đáp kịp thời các vấn đề khó khăn và được phản hồi ngay lập tức, liên tục trong quá trình học tập [10].

- *Học tập tăng cường*: Các loại hoạt động học tập bổ sung cải thiện sự tham gia và có thể giúp người học đạt được mức độ học tập cao hơn và có ý nghĩa hơn. Bên cạnh đó, giúp người học phát triển các phẩm chất như tự động viên, tự chịu trách nhiệm, kỉ luật.

- *Học cách trở thành công dân ảo*: Các kĩ năng học tập kĩ thuật số đang trở thành điều cần thiết để trở thành người học suốt đời và các khóa học kết hợp giúp người học nắm vững các kĩ năng sử dụng nhiều loại công nghệ.

Mô hình Blended Learning gia tăng tính sáng tạo trong giáo dục, tăng khả năng tự giác học tập và tạo

động lực trong giai đoạn đầu triển khai [11]. Đồng thời, mô hình này tạo cơ hội học tập cho mọi người trước những điều kiện khó khăn về cơ sở vật chất, gia tăng tương tác cho người học và người dạy thông qua các diễn đàn trao đổi, tinh gọn trong công tác quản lí các hoạt động đào tạo do áp dụng công nghệ. Ngoài ra, có những lợi ích mà mô hình này đem lại cho người sử dụng (nhà trường, người dạy, người học) như giảm chi phí tài chính cho việc học tập, đi lại; khả năng học tập mọi lúc, mọi nơi; tiết kiệm thời gian; kiểm soát quá trình học tập và nâng cao chất lượng đào tạo.

2.4. Thực tiễn triển khai mô hình Blended Learning trong đào tạo đại học ở các trường đại học

Dựa vào một số tiêu chí cơ bản dưới đây để đánh giá hiệu quả thực tiễn của mô hình Blended Learning tại các trường đại học:

- Mức độ dạy - học, như kĩ năng tương tác, bài tập thảo luận, kết quả học tập;

- Thời gian có thể cố định hoặc linh động;

- Vai trò của người học như mức độ tham gia học tập, tự học, học nhóm, học có sự hướng của người dạy;

- Vai trò của người hướng dẫn, như: hướng dẫn hoặc không hướng dẫn người học, thiết kế bài giảng trực tuyến, quản lí lớp học trực tuyến;

- Các hoạt động hỗ trợ người học, như: tài liệu học tập có đa dạng không, có cố vấn học tập hỗ trợ ít hoặc nhiều, cơ sở hạ tầng công nghệ, phần mềm công nghệ.

Việc ứng dụng Blended Learning trong giáo dục đã được triển khai từ rất lâu, cách đây cả thập kỉ và đạt được những hiệu quả nổi bật, cụ thể:

- Tại Hoa Kỳ, 80% các trường đại học ứng dụng phương pháp Blended Learning trong đào tạo. Có 93% các chương trình đào tạo tiến sĩ và 89% các chương trình đào tạo thạc sĩ ở Mỹ đào tạo bằng phương pháp

này [12]. Xu hướng mô hình kết hợp đường như được thúc đẩy bởi hai yếu tố là sự thuận tiện, sự lựa chọn của người học và thực tế cho phép và thậm chí có thể khuyến khích chiến lược sự phạm hấp dẫn hơn. Cụ thể, Trường Đại học Trung tâm Florida đã triển khai mô hình E-Learning cũng như Blended Learning từ rất sớm. Từ 8 môn học ứng dụng Blended Learning với 125 SV tham gia vào năm 1997 đã tăng lên 503 môn học có Blended Learning với 13.600 SV theo học.

- Đại học Hồng Kông ứng dụng mô hình Blended Learning trong GDĐH cho thấy kết quả học tập của người học trong các môn học được nâng cao đáng kể. Bởi bên ngoài lớp học, người hướng dẫn khóa học đã tạo các video ngắn về phần nội dung học tập và tải chúng lên nền tảng. Ngoài ra, người dạy còn chia sẻ các tài liệu học tập như PowerPoint bản trình bày, tệp Word, tệp PDF, tài liệu Java API và các tài liệu số khác. Người học có thể xem video, tìm kiếm tài liệu, tham gia vào các cuộc thảo luận và gửi các dự án trên nền tảng công nghệ số. Người hướng dẫn đã sử dụng Moodle như một nền tảng để cung cấp quyền truy cập vào tài liệu thực hành và học tập tài nguyên, cho phép người học gửi bài tập và đưa ra báo cáo kiểm tra đạo văn. Trong cuộc khảo sát dành cho người học Hồng Kông (2005), 49% số người học được khảo sát thích phương pháp học Blended Learning, 42% lựa chọn phương pháp học truyền thống, hỗ trợ E-Learning [13].

- Mông Cổ có mật độ dân số thấp nhất trên thế giới với cơ sở hạ tầng chưa phát triển. Các thành phố và trung tâm thị trấn được kết nối bằng mạng internet. Mặc dù có sự chênh lệch ở thành phố và khu vực nông thôn, kết nối Internet trung bình là 512 Kbps. Việc sử dụng Internet ngày càng tăng được báo cáo trong những năm qua và Internet ngày càng trở nên hợp lý hơn. Tại Đại học Gurvan-Erdene (GEU), người học cảm thấy học tập kết hợp hỗ trợ nhiều cho việc học độc lập và tương tác lẫn nhau bởi người học có thể gửi lại bài tập và nhận được sự phản hồi từ người dạy. Khi hoàn thành khóa học, người học đạt được nhiều kỹ năng, học tập độc lập hơn và hợp tác nhiều hơn so với các lớp học truyền thống. Kết quả cho thấy, lớp học theo mô hình Blended Learning có kết quả học tập cao hơn lớp truyền thống, với tỉ lệ người học đạt yêu cầu cao hơn và chất lượng giáo dục được cải thiện mang lại lợi ích cho cả người học và người hướng dẫn, đặc biệt tác động tích cực không chỉ trường đại học mà còn cho cả giáo dục của Mông Cổ nhất các vùng sâu vùng xa [14].

Tại Việt Nam, mô hình đào tạo kết hợp được triển khai khá thành công ở các trường đại học như Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học FPT, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Trường Đại học Công Nghiệp Hà Nội, Trường Đại học Sư

phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, ...

- Tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, mô hình Blended Learning được triển khai từ năm 2016 với thời lượng cho phương pháp dạy truyền thống là 70% và E-learning còn lại là 30%. Trường đã triển khai mô hình Online driver dành cho các môn học đặc thù tin học và ngoại ngữ, mô hình Rotation dành cho các môn học chuyên ngành kinh tế như tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị, marketing. Các giờ học kết hợp giữa truyền thống và trực tuyến được đan xen với nhau với tần suất tùy thuộc vào từng môn do người dạy quyết định. Sau khi triển khai mô hình hơn một năm thời gian truy cập của người học có xu hướng tăng dần, phản ánh người học có xu hướng truy cập hệ thống học tập trong khung giờ từ 20 giờ đến 23 giờ, cao nhất vào thời điểm 22 giờ bởi thời điểm cuối ngày là thời hạn cuối để người học hoàn tất bài học trên phần mềm học trực tuyến; do đó, lượng truy cập tăng cao [15]. Với kho học liệu mở, mỗi người học có thể truy cập vào hệ thống thư viện điện tử bằng tài khoản người học và được hướng dẫn truy cập các nguồn dữ liệu trên Elsevier, Emerald và các kho dữ liệu toàn cầu của GSO, Worldbank, IMF, ADB, ...

- Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội đã có hơn 10 năm kinh nghiệm triển khai đào tạo trực tuyến. Năm 2016, nhà trường đã triển khai mô hình Blended Learning với 50% học trực tiếp trên lớp và 50% học trực tuyến trong lĩnh vực công nghệ thông tin và ngoại ngữ. Mô hình này được áp dụng trong hai ngành phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế của từng phương pháp đào tạo. Năm 2018, trường đã ban hành quy chế quản lý hoạt động đào tạo kết hợp và chính thức công nhận những hoạt động học tập của người học trên hệ thống trực tuyến có giá trị như học truyền thống. Nhà trường dự kiến năm học 2020-2021 sẽ triển khai 20% số học phần theo mô hình học tập kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến. Do có sự đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng bài giảng điện tử, xây dựng các quy chế quản lý học tập kết hợp nên dưới sự tác động của dịch bệnh Covid-19 đã giảm thiểu mức độ ảnh hưởng kế hoạch học tập của người học. Hiện tại, người học được cung cấp bài giảng trực tuyến cho khóa học. Do đó, khối lượng công việc của người dạy giảm đi bởi vì chỉ trình bày một lần thay vì trước đây phải trình bày nhiều lần cho nhiều lớp học. Khoảng thời gian trống đó, người dạy sẽ hướng dẫn người học thảo luận và làm những bài tập theo yêu cầu của từng chương trong học phần giúp người học nắm trọng tâm và hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, mô hình Blended Learning mới được triển khai cho một số chương trình đào tạo liên kết quốc tế cũng như chương

trình đào tạo từ xa. Với đặc thù trường đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về quản lý kinh tế cho xã hội thì việc ứng dụng mô hình dạy học kết hợp là thật sự cần thiết trong cuộc cách mạng công nghệ số. Để tiến và tiệm cận với nền giáo dục thế giới thì nhà trường đã từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất để áp dụng cho chương trình đào tạo chính quy và được nhà trường triển khai từ tháng 9 năm 2020 mang lại hiệu quả cao trong đào tạo đại học mà ở đó người học được rèn luyện tính chủ động và kỹ năng trong học tập. Với những phòng học tiêu chuẩn, phòng studio cho các lớp học trực tuyến được đảm bảo tiêu chuẩn là cơ sở cho việc chuyển đổi các hình thức học tập truyền thống sang hình thức học tập hiện đại hơn. Bên cạnh đó, người học có thể học tập mọi lúc bất kể không gian địa lý giúp rút ngắn khoảng cách giữa người học và người dạy mang lại tính ưu việt cao cho mô hình học tập kết hợp và đối tượng học tập mở rộng không chỉ dừng lại ở cấp đại học mà còn ở cấp sau đại học phù hợp với người học đã đi làm ít có thời gian đến lớp.

- Trường Đại học FPT đã ra mắt chương trình đại học trực tuyến Funix năm 2015 đồng hành cùng người học chuyên ngành công nghệ thông tin. Xu hướng phát triển để đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, nhà trường định hướng kết hợp giữa học trực tuyến và học trực tiếp trên lớp cho người học, được triển khai mỗi học kì ít nhất một môn học theo hình thức Blended Learning. Qua đó, người học được hỗ trợ và kết nối với người hướng dẫn cũng như theo dõi kế hoạch học tập. Việc tự học trực tuyến thông qua các lớp học ảo giúp người học chủ động thời gian, học mọi lúc mọi nơi, rút ngắn thời gian hoàn thành chương trình học. Để người học chủ động thích nghi với mô hình này,

bên cạnh tham gia học trực tuyến trên phần mềm LMS FUNIX người học còn được tham gia 3 buổi học offline và nội dung các buổi học offline giải quyết các vấn đề vướng mắc của người học, hướng dẫn sửa chữa các bài tập hay dự án người học thực hiện. Mô hình học kết hợp được triển khai trong các môn học IoT, lập trình Web động, cơ sở văn hóa Việt Nam, ... thuộc các nhóm ngành ngôn ngữ, kỹ thuật phần mềm, thiết kế đồ họa, quản trị kinh doanh.

Các nghiên cứu chỉ ra rằng, những cơ sở GDDH đã áp dụng phương pháp học tập kết hợp cho thấy nhận thức mức độ hoàn thành bài học cũng kết quả học tập của người học được nâng cao và kỹ năng tương tác của người học cao đáng kể. Để mô hình thành công và hiệu quả thì người hướng dẫn cũng đóng vai trò quan trọng để tạo ra một môi trường học tập hấp dẫn, thúc đẩy ý thức học tập của người học. Việc thực hiện hiệu quả học tập kết hợp phải được thiết kế cẩn thận để mô hình kết hợp hỗ trợ các tính năng của khóa học có liên quan, mục tiêu học tập nhằm đáp ứng nhu cầu của người học.

3. Kết luận

Học tập kết hợp đóng một vai trò quan trọng trong giáo dục với sự phát triển nhanh chóng của học trực tuyến. Đào tạo theo mô hình Blended Learning là chìa khóa thông minh mở ra cánh cửa rộng lớn để tiếp cận với nền giáo dục thế giới, với phương châm công nghệ phải đi trước một bước tạo nền tảng vững chắc để nâng cao chất lượng công tác đào tạo đại học. Mô hình này được coi là phương thức đào tạo ưu việt bởi sự hài hòa tương chừng như trái ngược giữa truyền thống và trực tuyến mang lại nhiều lợi ích và sự thuận tiện cho người học, người dạy và cán bộ quản lý.

Tài liệu tham khảo

- [1] Simon, M., (2014), *Is Blended Learning the Future of Higher Education? A discussion of MOOCs, Gamers, Connectivists' and Sceptics*, Studies of regional policy, 17(1), p.67-91.
- [2] Graham, C. R., Woodfield, W., & Harrison, J. B., (2013), *A framework for institutional adoption and implementation of blended learning in higher education*, Internet and Higher Education, 18(3), p.4-14, Doi: 10.1016/j.iheduc.2012.09.003.
- [3] Garrison, D. R., & Vaughan, N., (2008), *Blended learning in higher education*, San Francisco, CA: Jossey-Bass.
- [4] Kanuka, H., Brooks, C., & Saranchuck, N., (2009), *Flexible learning and cost effective mass offerings*, Paper presented at the Improving University Teaching (IUT), Vancouver, CA.
- [5] Jeffrey, L. M., Kinshuk, Atkins, C., Laurs, A., & Mann, S., (2006), *E- Learning profiles: Diversity in learning*, Auckland: Massey University.
- [6] Hockly, N., (2018), *Blended Learning*, ELT Journal, 72 (1), p.97-101, Doi:10.1093/elt/ccx058.
- [7] Kolb, A. Y., & Kolb, D. A., (2005), *Learning styles and learning spaces: Enhancing experiential learning in higher education*, Academy of management learning & education, 4(2), p.193-212.
- [8] Victoria L. Tinio, (2003), *ICT in Education*, New York.
- [9] Bonk, C. J., & Graham, C. R. (Eds.), (2006), *Handbook of Blended Learning: Global Perspectives*, Local Designs, San Francisco, CA: Pfeiffer Publishing.
- [10] Thalheimer, W., (2008), *Providing learners with feedback, part 1: Research based recommendations for training, education, and e-learning*, Accessed 15th Feb 2021, Available at: https://www.worklearning.com/wp-content/uploads/2017/10/Providing_Learners_with_Feedback_Part1_May2008.pdf.
- [11] Scardamalia, M., & Bereiter, C., (2003), *Knowledge building environments: Extending the limits of the possible in education and knowledge work*, Encyclopedia of distributed learning, p.269-272.

- [12] Arabasz, P. and Baker, M.B, (2003), *Evolving Campus Support Models for ELearning Courses*, Center of Applied Research Respondent Summary, accessed 8th Feb 2021, Available at: <https://www.educause.edu/ir/library/pdf/EKF/ekf0303.pdf>.
- [13] Lee, P., W., R and Chang, F.T, (2006), *Blended Learning: Experiences of Adult Learners in Hongkong*, In Fong, J., and Wang, F., L. (Eds) *Blended Learning*. Singapore: Pearson Prentice Hall, p.79-87.
- [14] Narangerel Jachin, *Potential Impact of Blended Learning on Teacher Education in Mongolia* [https://www.scirp.org/\(S\(i43dyn45teexjx455qlt3d2q\)\)/journal/paperinformation.aspx?paperid=78078](https://www.scirp.org/(S(i43dyn45teexjx455qlt3d2q))/journal/paperinformation.aspx?paperid=78078).
- [15] Đặng Thái Thịnh - Võ Hà Quang Định, (2018), *Mô hình Blended Learning thích hợp như thế nào trong giáo dục đại học khối kinh tế? Một tình huống triển khai tại trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 10, tr.90-99.

A BLENDED LEARNING MODEL IN HIGHER EDUCATION AND PRACTICAL APPLICATION IN UNIVERSITIES

Ho Ngọc Khuông

Ho Chi Minh City University of Technology and Education
No.01 Vo Van Ngan, Linh Chieu ward,
Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Email: khuonghn@hcmute.edu.vn

ABSTRACT: *By combining the advantages of traditional and online teaching models (E-learning), the combined learning model (Blended learning) has many benefits in education. Accordingly, this model is gradually becoming the inevitable trend of the world in education and training. Throughout the model's approach, the article provides a theoretical basis for blended learning and analyzes its models, thereby showing the benefits of this model when applied to teaching at universities.*

KEYWORDS: *Blended learning, higher education, online learning.*